

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2019

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Cẩm.

2. Ông Đặng Hoàng Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Nơi tạm trú: Ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt).*

2. *Bị đơn:* Chị X, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh T trình bày: Anh T và chị X cưới nhau năm 2005, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 người con chung là B, sinh ngày 19/11/2007, hiện nay đang sống chung với chị X. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có đi làm thuê một thời gian, nhưng cuộc sống không hợp nhau nên X về nhà ở. Do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, đến năm 2012 thì chia tay, mỗi người sống một nơi. Hiện nay các bên đều có gia đình riêng nên cần có quyết định chính thức để tạo điều kiện

cho nhau. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hiện nay cuộc sống anh chưa ổn định, con từ trước đến nay sống với mẹ nên tiếp tục giao cho mẹ nuôi, anh không cấp dưỡng. Anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 27/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị X trình bày:* Nội dung anh T trình bày về việc cưới nhau và con chung là đúng. Khi cưới nhau không đăng ký kết hôn, sau đó vợ chồng đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc nên chị X về ấp P, xã N sinh sống, anh chị đã không sống chung từ năm 2012 đến nay. Anh T cũng đã có vợ khác. Nay thống nhất ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi con là B; chị có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng; anh chị không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh T và Chị X cưới nhau năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận anh chị là vợ chồng. Anh chị có 01 người con chung là B, sinh ngày 19/11/2007, đang sống chung với chị X; chị X yêu cầu được nuôi con, cháu B cũng có nguyện vọng theo chị X, anh T thống nhất giao cháu B cho chị X nuôi dưỡng nên đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc giao con cho chị X nuôi. Chị X không yêu cầu cấp dưỡng và các đương sự không yêu cầu gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T và chị X không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Năm 2005 anh T và chị X tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sống chung như vợ chồng cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh T và chị X. Theo đó, anh T và chị X không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng khi ly hôn: Anh T và chị X có 01 người con chung là B, sinh ngày 19/11/2007, đang sống chung với chị X. Anh chị thỏa thuận giao cháu B cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

Thấy rằng, hiện nay anh T đi làm thuê, chưa có nơi ở ổn định; cháu B từ khi sinh ra cho đến nay sống chung với chị X, được chị X nuôi dạy tốt. Hiện nay chị X có nơi ở và việc làm, thu nhập ổn định. Mặt khác, cháu B cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị X. Xét điều kiện của chị X có thể nuôi dạy cháu B tốt nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu B cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu B. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị X vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các đương sự không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị X đều khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, anh T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa anh T và chị X.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị X giao cháu B cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị X vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ

điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí sơ thẩm: Anh T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000209 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận